

Số: *KL* /2018/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày *04* tháng *6* năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định tỷ lệ (%) khoán chi phí quản lý, xử lý tang vật, phương tiện bị tịch thu sung quỹ nhà nước do vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

Căn cứ Thông tư số 173/2013/TT-BTC ngày 20/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số nội dung về quản lý, xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu theo thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 692/STC-GCS ngày 09 tháng 4 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định tỷ lệ (%) khoán chi phí quản lý, xử lý tang vật, phương tiện bị tịch thu sung quỹ nhà nước do vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan trực tiếp bắt giữ, xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu sung quỹ nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Tỷ lệ (%) khoán chi phí

1. Tỷ lệ khoán chi phí cho cơ quan, đơn vị theo quy định tại Quyết định này được xác định theo tỷ lệ (%) trên số tiền thu từ bán tang vật, phương tiện vi phạm hành chính. Nếu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là tài nguyên thì phải trừ khoản tiền nộp thuế tài nguyên trước khi trích khoán chi phí theo quy định.

2. Tỷ lệ khoán:

- Các đội kiểm lâm cơ động và phòng cháy, chữa cháy rừng; hạt kiểm lâm các huyện, thị xã; các đoàn kiểm tra liên ngành do cơ quan kiểm lâm chủ trì và các chốt của kiểm lâm: 40%.

- Các cơ quan trực tiếp bắt giữ khác: 15%.

3. Nội dung chi phí thực hiện khoản: Theo quy định tại khoản 1 Điều 9, Thông tư số 173/2013/TT-BTC ngày 20/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 3. Quản lý, sử dụng và thanh, quyết toán mức khoán chi phí.

1. Căn cứ số tiền thu được từ xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu đã nộp vào tài khoản tạm giữ của cơ quan Tài chính mở tại Kho bạc Nhà nước, theo đề nghị của cơ quan, đơn vị xử phạt chậm nhất trong thời gian không quá 30 ngày làm việc, cơ quan Tài chính các cấp có trách nhiệm kiểm tra, rà soát, thanh toán kịp thời cho các cơ quan, đơn vị theo mức khoán quy định tại khoản 2, Điều 2 của Quyết định này.

2. Số tiền thu được từ xử lý tang vật, phương tiện bị tịch thu sung quỹ Nhà nước do vi phạm hành chính, sau khi trừ mức khoán chi phí cho cơ quan, đơn vị có liên quan, số tiền còn lại nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 3, Điều 8, Thông tư số 173/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị được khoán chi phí:

1. Quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích và tự cân đối cho từng vụ việc có số thu và các vụ việc không có số thu hoặc số thu thấp.

2. Hồ sơ, chứng từ gốc thanh toán các chi phí từ mức khoán này được bảo quản, lưu trữ tại các cơ quan, đơn vị theo chế độ Nhà nước quy định.

3. Hàng năm, cơ quan, đơn vị được khoán chi phí có trách nhiệm quyết toán sử dụng mức khoán chi phí này cùng với quyết toán sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị với cơ quan Tài chính cùng cấp theo niên độ ngân sách Nhà nước quy định.

4. Cơ quan của người có thẩm quyền quyết định tạm giữ, tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính hoặc cơ quan trình cấp thẩm quyền ra quyết định tịch thu, cơ quan, đơn vị được khoán chi phí, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thành phố tổng hợp, báo cáo tình hình quản lý, kết quả xử lý, sử dụng số thu được từ tiền bán tang vật, phương tiện bị tịch thu gửi về Sở Tài chính, chậm nhất trước ngày 31/01 hàng năm.

Trường hợp, cơ quan, đơn vị trên không tổng hợp, báo cáo kịp thời tình hình quản lý, kết quả xử lý, sử dụng số thu được từ tiền bán tang vật, phương tiện tịch thu cho phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thành phố, Sở Tài chính thì Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thành phố, Sở Tài chính sẽ tạm dừng thanh toán khoán chi phí cho cơ quan, đơn vị cho đến khi nhận được tổng hợp, báo cáo.

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc thì các cơ quan, đơn vị báo cáo, kiến nghị về UBND tỉnh (thông qua Sở Tài chính) để xem xét, trình UBND tỉnh quyết định.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 6 năm 2018.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tư pháp, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Công an tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Cục trưởng Cục Hải quan Gia Lai – Kon Tum; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Chỉ cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường; chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./. *hsc*

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài chính (để b/c);
- Cục KTVBQPPL-BTP;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Gia Lai;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Hoàng

Nguyễn Đức Hoàng